TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07-02-2025
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kiều Oanh

Ông Trần Văn Mỹ Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1986 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà L, đường Đ, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ liên lạc: số nhà A, Khóm A, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông **Vương Ngọc H**, sinh năm 1975. Nơi cư trú: số nhà A, Khóm A, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Ngày 23/01/2014 bà T và ông H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H thường xuyên uống rượu, không phụ bà T nuôi dạy và chăm sóc con. Vợ chồng thường hay

cự cãi. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn nữa. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- Về con chung: bà T và ông H có một con chung tên Vương Hà A, sinh ngày 24/02/2014. Hiện con chung đang sống chung với bà T, bà T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T và ông H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Vương Ngọc H vắng mặt suốt quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: bà T có đơn xin xử vắng mặt và bảo lưu các ý kiến đã trình bày; bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông H, nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai: phiên tòa lần thứ nhất ngày 07/01/2025, phiên tòa lần thứ hai ngày 07/02/2025 nhưng đều vắng mặt, không có lý do nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 23/01/2014 tại Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Bà T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông H.

Đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, cho thấy mẫu thuẫn giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đủ căn cứ

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, xử cho bà T với ông H ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về con chung:

Bà T và ông H có 01 con chung tên Vương Hà A, sinh ngày 24/02/2014. Hiện con chung đang sống chung với bà T, bà T yêu cầu được nuôi con chung.

Tại bản khai ý kiến ngày 27/12/2024, Vương Hà A trình bày nếu ông H và bà T ly hôn thì xin được tiếp tục ở với mẹ là bà T.

Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, tiếp tục giao con chung Vương Hà A cho bà T nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông H không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0007327 ngày 17/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144, khoản 4 Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh T với ông Vương Ngọc H.

2. Về con chung: giao con chung Vương Hà A, sinh ngày 24/02/2014 cho bà Nguyễn Thị Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng, ông Vương Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007327 ngày 17/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- E, thành phố V (Giấy CNKH số 03, quyển 01, ngày 23/01/2014);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Mỹ Thuận